

KẾ HOẠCH

Triển khai Chương trình “Phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam giai đoạn 2025-2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Thực hiện Quyết định số 1894/QĐ-TTg ngày 04/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam giai đoạn 2025-2030”; sau khi xem xét đề xuất của Sở Công Thương tại Công văn số 4425/SCT-QLCN ngày 01/12/2025 về trình dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai Chương trình “Phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam giai đoạn 2025-2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình như sau:

I. MỤC TIÊU CHUNG

1. Phần đầu xây dựng và phát triển công nghiệp môi trường (sau đây gọi là CNMT) trở thành ngành kinh tế độc lập có đóng góp quan trọng trong cơ cấu kinh tế quốc dân; đóng vai trò chiến lược trong bảo đảm độc lập, tự chủ trong cung ứng công nghệ, thiết bị và sản phẩm CNMT khi xử lý các thách thức môi trường của đất nước; có khả năng làm chủ công nghệ, tự chủ sản xuất đồng thời có khả năng tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu về công nghệ, thiết bị, sản phẩm CNMT, đóng góp tích cực vào thực hiện các mục tiêu về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính trong các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển quốc gia.

2. Nâng cao năng lực và vai trò, tỷ trọng của ngành CNMT trong nền kinh tế, tạo thêm việc làm, đảm bảo an sinh xã hội; cải thiện năng lực cạnh tranh dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ tiên tiến, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trở thành lĩnh vực tiên phong trong áp dụng công nghệ xanh, công nghệ thông minh, góp phần hiện đại hóa nền kinh tế và tăng trưởng bền vững.

3. Ngành CNMT đóng vai trò dẫn dắt chuyển đổi xanh, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững và nâng cao sức cạnh tranh quốc gia, đồng thời trở thành nền tảng, hỗ trợ tích cực cho quá trình giảm phát thải, ứng phó biến đổi khí hậu.

4. Hình thành hệ sinh thái CNMT hiện đại, có khả năng sản xuất, cung ứng thiết bị, công nghệ, và sản phẩm CNMT cho trong nước và xuất khẩu. Phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp - viện nghiên cứu - trường đại học - cơ quan quản lý nhà nước - tổ chức quốc tế nhằm đẩy mạnh nghiên cứu, làm chủ và thương mại hóa công nghệ môi trường, tăng năng lực nội địa hóa thiết bị, tạo lập các chuỗi giá trị xanh trong nước.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Hệ thống chính sách phát triển ngành CNMT cơ bản được rà soát và hoàn thiện, tạo được khung pháp lý để hình thành và phát triển được các khu, cụm công nghiệp tái chế làm nền tảng dẫn dắt, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp môi trường.

2. Phát triển CNMT đáp ứng nhu cầu bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực, hoạt động:

- Công nghiệp xử lý nước thải: Phát triển công nghệ, thiết bị, sản phẩm đáp ứng mục tiêu cung cấp được 70% - 80% nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Công nghiệp xử lý khí thải: Phát triển công nghệ, thiết bị, sản phẩm đáp ứng mục tiêu cung cấp được 60% - 70% nhu cầu trong nước.

- Công nghiệp xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại: Phát triển công nghệ, thiết bị, sản phẩm đáp ứng mục tiêu 50% - 60% nhu cầu thu gom, vận chuyển, trung chuyển, phân loại và 60% - 70% nhu cầu phân loại, tái chế trong nước.

- Phát triển thiết bị đo lường, giám sát môi trường đáp ứng mục tiêu cung cấp 20% nhu cầu trong nước.

- Phát triển công nghệ, thiết bị, sản phẩm đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất năng lượng từ chất thải.

- Phát triển công nghệ, thiết bị, sản phẩm đáp ứng nhu cầu bảo vệ môi trường cho các ngành, lĩnh vực trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế.

3. Phát triển thị trường hàng hóa CNMT, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hóa CNMT sản xuất trong nước, nâng cao năng lực của các tổ chức cung ứng hàng hóa CNMT, tăng cường xúc tiến thương mại,... nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, giảm phát thải khí nhà kính, kinh tế tuần hoàn trong các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển của tỉnh, quốc gia.

4. Phát triển dịch vụ công nghiệp môi trường và hình thành các doanh nghiệp dịch vụ công nghiệp môi trường vận hành các công trình, nhà máy chế biến/xử lý chất thải (nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải), bảo trì, sửa chữa thiết bị đạt tiêu chuẩn quốc tế để đáp ứng nhu cầu vận hành ổn định của thiết bị, hệ thống chế biến/xử lý chất thải hoặc của các công trình bảo vệ môi trường khác hướng đến xây dựng hệ sinh thái đa dạng với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.

5. Thu hút đầu tư từ nước ngoài vào ngành CNMT, tiến tới xuất khẩu một số công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành CNMT có ưu thế.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện hệ thống chính sách, thể chế để phát triển ngành CNMT

1.1. Nội dung triển khai thực hiện

a) Rà soát xây dựng cơ chế, chính sách phát triển CNMT tại địa phương và bố trí kinh phí thực hiện đối với nguồn ngân sách địa phương triển khai các nội dung của Kế hoạch.

b) Ban hành các chính sách giao đất, cho thuê đất, miễn giảm tiền sử dụng đất để thu hút đầu tư phát triển CNMT; hỗ trợ quỹ đất để di dời hộ gia đình ra khỏi khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc di dời cơ sở đang hoạt động để phát triển các doanh nghiệp CNMT, cụm công nghiệp CNMT, khu công nghiệp CNMT.

c) Triển khai các chính sách của trung ương khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư để hình thành và phát triển được các khu, cụm công nghiệp tái chế làm nền tảng dẫn dắt, thúc đẩy phát triển ngành CNMT.

d) Triển khai các chính sách của trung ương hỗ trợ, ưu đãi, đầu tư cho các doanh nghiệp tiếp nhận chuyển giao công nghệ, mua bán quyền sáng chế, phần mềm, thuê chuyên gia trong, ngoài nước để phát triển công nghệ CNMT.

1.2. Đơn vị thực hiện

a) Sở Công Thương: Chủ trì triển khai các cơ chế, chính sách phát triển ngành CNMT; thực hiện xây dựng Đề án di dời các doanh nghiệp/cơ sở sản xuất vào khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Rà soát quỹ đất, tham mưu cho UBND tỉnh quy hoạch, bố trí các khu vực dành riêng để thu hút đầu tư vào các dự án CNMT, khu tái chế tập trung. Hướng dẫn các thủ tục miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho các dự án này theo quy định. Phổ biến và giám sát việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia trên địa bàn tỉnh, tạo áp lực để thị trường CNMT của tỉnh phát triển.

c) Sở Khoa học và Công nghệ: Xây dựng và triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh nhằm tạo ra hoặc ứng dụng các công nghệ, sản phẩm CNMT phù hợp với điều kiện của tỉnh. Chủ trì triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp CNMT đổi mới công nghệ, đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến.

d) Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp – Khu kinh tế, Ủy ban nhân dân các xã, phường: Chủ động triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ chuyên môn được giao.

2. Phát triển thị trường hàng hóa công nghiệp môi trường

2.1. Nội dung triển khai thực hiện

a) Xây dựng và mở rộng nhu cầu thị trường đối với thiết bị, công nghệ, sản phẩm hàng hóa công nghiệp môi trường thông qua hình thức đặt hàng, chỉ định thầu cho các doanh nghiệp trong nước.

b) Phát triển năng lực cung cấp thiết bị, công nghệ, sản phẩm hàng hóa công nghiệp môi trường cho các doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, kết hợp với thiết lập mạng lưới vườn ươm doanh nghiệp CNMT tại các khu, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao và cơ sở đào tạo trọng điểm. Vườn ươm doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển thị trường hàng hóa công nghiệp môi trường, đặc biệt là ở giai đoạn đầu của chuỗi đổi mới sáng tạo.

d) Triển khai các hoạt động ưu tiên về dán nhãn đối với sản phẩm hàng hóa của ngành CNMT, thúc đẩy phát triển bền vững thị trường sản phẩm hàng hóa và các chính sách quy định tiêu chuẩn chất lượng và phát triển bền vững. Tổ chức xúc tiến thương mại, thu hút đầu tư vào ngành CNMT.

đ) Khuyến khích, thúc đẩy hợp tác công - tư trong nghiên cứu và sản xuất thiết bị, sản phẩm CNMT mới: Nhà nước hỗ trợ vốn, hạ tầng và đào tạo nhân lực; doanh nghiệp triển khai thực tế, vận hành, thương mại hóa sản phẩm.

2.2. Đơn vị thực hiện

a) Sở Tài chính

- Chủ trì triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Khuyến khích, thúc đẩy hợp tác công - tư trong nghiên cứu và sản xuất thiết bị, sản phẩm CNMT mới: Nhà nước hỗ trợ vốn, hạ tầng và đào tạo nhân lực; doanh nghiệp triển khai thực tế, vận hành, thương mại hóa sản phẩm.

b) Sở Khoa học và Công nghệ

Hỗ trợ cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, hướng dẫn doanh nghiệp ngành CNMT thực hiện hồ sơ chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao theo Thông tư số 08/2025/TT-BKHCN ngày 21/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc phân cấp trong thực hiện thủ tục chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường

Triển khai các hoạt động ưu tiên đối với sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện thủ tục chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

d) Sở Công Thương

- Thúc đẩy phát triển bền vững thị trường sản phẩm hàng hóa và các chính sách quy định tiêu chuẩn chất lượng và phát triển bền vững, thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại lĩnh vực CNMT.

3. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ phát triển ngành CNMT

3.1. Nội dung triển khai thực hiện

a) Phát triển khoa học công nghệ

- Thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ để làm chủ và phát triển được các công nghệ, thiết bị, sản phẩm thuộc danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành CNMT ban hành kèm theo Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2023 phục vụ xử lý chất thải, bảo vệ môi trường đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Giới thiệu, phổ biến một số quy trình công nghệ sản xuất tiên tiến, công nghệ sản xuất sản phẩm, chế phẩm giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải, cải tạo môi trường và yêu cầu kỹ thuật về hàng hóa ngành CNMT.

- Nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ tiên tiến cho một số doanh nghiệp và cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp môi trường.

- Ban hành các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận chuyển giao công nghệ, mua bán quyền sáng chế, phần mềm, thuê chuyên gia trong, ngoài nước.

- Hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

- Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ xử lý chất thải, đặc biệt là từ công nghiệp năng lượng tái tạo theo nguyên tắc giảm thiểu, thu hồi, tái sử dụng, tái chế để giảm tối đa lượng chất thải, tận dụng vật liệu thải bỏ làm nguyên liệu cho các ngành kinh tế khác.

- Đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, nhất là các công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh vào doanh nghiệp.

b) Tăng cường đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

- Hỗ trợ kỹ thuật để doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản trị theo chuẩn mực quốc tế, hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất.

- Ứng dụng công nghệ thiết kế và sản xuất nhờ máy tính (CAD/CAM) trong chế tạo thiết bị.

- Ứng dụng thiết bị cơ điện tử, các hệ thống điều khiển tự động hiện đại, thông minh vào dây chuyền thiết bị đồng bộ trong ngành công nghiệp môi trường.

- Xây dựng, hình thành các sản phẩm cảm biến sinh học sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp môi trường, chế tạo dây chuyền, thiết bị công nghệ sinh học phục vụ công nghiệp môi trường.

- Hỗ trợ doanh nghiệp ngành CNMT áp dụng các mô hình bền vững, các mô hình sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững; mô hình kinh tế tuần hoàn.

3.2. Đơn vị thực hiện

a) Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì triển khai và lồng ghép các hoạt động về phát triển khoa học công nghệ, tăng cường đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số được phê duyệt tại Kế hoạch vào các chương trình, đề án, kế hoạch đã được phê duyệt.

b) Sở Công Thương: Chủ trì, lồng ghép các nội dung về phát triển ngành CNMT vào mô hình sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, lồng ghép các nội dung về phát triển ngành CNMT vào quản lý và bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, mô hình phát triển kinh tế tuần hoàn.

4. Đào tạo, tập huấn, phát triển nguồn nhân lực phát triển ngành công nghiệp môi trường

4.1. Nội dung triển khai thực hiện

a) Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực và chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển ngành CNMT.

b) Xây dựng chương trình đào tạo, tập huấn và tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý nhà nước ngành CNMT, cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật tại các doanh nghiệp CNMT.

c) Xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển ngành CNMT.

4.2. Đơn vị thực hiện

a) Sở Công Thương: Chủ trì triển khai thực hiện.

b) Sở Nội vụ, Liên đoàn doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai: Phối hợp thực hiện.

5. Hình thành cơ sở dữ liệu về CNMT, cập nhật trang thông tin điện tử của trung ương về CNMT

5.1. Nội dung triển khai thực hiện

Thống kê số liệu nhằm xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu hàng năm về ngành CNMT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

5.2. Đơn vị thực hiện

a) Sở Công Thương: Chủ trì tổng hợp cơ sở dữ liệu về CNMT, cập nhật trang thông tin điện tử của trung ương về CNMT.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp – Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân các phường, xã: Phối hợp cung cấp thông tin doanh nghiệp theo địa bàn quản lý.

c) Thống kê tỉnh Đồng Nai: Cung cấp dịch vụ khảo sát, tổng hợp và cung cấp số liệu thống kê về CNMT trên địa bàn tỉnh.

6. Đẩy mạnh truyền thông, phổ biến, nâng cao nhận thức về phát triển ngành CNMT

6.1. Nội dung triển khai thực hiện

- a) Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về CNMT.
- b) Xây dựng và tổ chức các chương trình truyền thông về CNMT; phổ biến, nhân rộng các kết quả, công trình nghiên cứu về các công nghệ, thiết bị, sản phẩm của ngành CNMT.
- c) Tăng cường trao đổi thông tin hợp tác quốc tế, phổ biến kinh nghiệm từ các mô hình phát triển CNMT thành công trong nước và nước ngoài trên các báo, tạp chí chuyên ngành, phương tiện thông tin đại chúng.
- d) Tham gia các hoạt động hàng năm của Trung ương tổ chức, bao gồm: Hội nghị, Hội thảo về CNMT, các hoạt động tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích cao trong hoạt động phát triển ngành CNMT. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hoạt động của Chương trình thương hiệu quốc gia Việt Nam.

6.2. Đơn vị thực hiện

- a) Sở Công Thương: Chủ trì triển khai các hoạt động truyền thông, phổ biến, nâng cao nhận thức về phát triển ngành CNMT; tổ chức Đoàn của tỉnh Đồng Nai tham gia các hoạt động hàng năm của Trung ương tổ chức về lĩnh vực CNMT.
- b) Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai, Ủy ban nhân dân các phường, xã, Liên đoàn doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai: Phối hợp thông tin, tuyên truyền đến doanh nghiệp thông qua phương tiện thông tin đại chúng, các kênh thông tin liên lạc khác.

IV. KINH PHÍ

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được đảm bảo từ các nguồn vốn ngân sách nhà nước; lồng ghép từ nguồn kinh phí thực hiện một số chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; và vốn huy động từ các nguồn khác, trong đó:

- Kinh phí thực hiện các nội dung phục vụ quản lý nhà nước được bố trí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước (sự nghiệp bảo vệ môi trường, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học và công nghệ) theo quy định;

- Kinh phí thực hiện các hoạt động đầu tư phát triển ngành CNMT được huy động từ các nguồn vốn hợp pháp của doanh nghiệp, vốn vay của các tổ chức tín dụng, quỹ bảo vệ môi trường và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động xin chủ trương thực hiện, xây dựng dự toán kinh phí và tổng hợp vào dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của cơ quan mình theo quy định gửi cơ quan tài chính và các cơ quan có liên quan để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các phường, xã và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; lồng ghép các mục tiêu, nội dung của Kế hoạch với các chương trình, đề án, dự án khác có liên quan

b) Giám sát, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết đánh giá kết quả thực hiện hàng năm và toàn bộ Kế hoạch; kịp thời đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo theo quy định.

2. Các Sở Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý các Khu công nghiệp – Khu kinh tế tỉnh, Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai, Thống kê tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân các phường, xã, Liên đoàn doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai:

a) Căn cứ các nội dung và nhiệm vụ được giao tại mục III, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện hoặc lồng ghép vào các kế hoạch của ngành để triển khai thực hiện theo quy định.

b) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, gửi báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Sở Công Thương để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Công Thương theo quy định.

c) Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các Xã, Phường;
- Lưu: VT, KTN, Thu. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Kim Long